

## **Chương 2**

# **HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG**

Người học cần nắm được các phạm trù kinh tế cơ bản: Hàng hóa, giá trị, tiền tệ, giá cả, thị trường và các quy luật kinh tế thị trường. Trên cơ sở đó giúp người học hình thành phát triển tư duy kinh tế thị trường và có hành vi kinh tế phù hợp khi tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường.

## **2.1. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

### **2.1.1. Sản xuất hàng hóa**

Lịch sử phát triển của nền sản xuất xã hội đã và đang trải qua hai kiểu tổ chức sản xuất, đó là: sản xuất tự nhiên và sản xuất hàng hóa.

*Kinh tế tự nhiên* là kiểu tổ chức kinh tế có mục đích sản xuất ra sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cho chính người sản xuất. Kinh tế tự nhiên gắn với trình độ lực lượng sản xuất còn thấp.

*Kinh tế hàng hóa* là kiểu tổ chức kinh tế có mục đích sản xuất ra sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của người khác (của xã hội) thông qua trao đổi trao đổi (mua - bán) trên thị trường.

Nền kinh tế hàng hóa đối lập với kinh tế tự nhiên và là bước ngoặt tiến bộ trong lịch sử phát triển của sản xuất xã hội. Sản xuất hàng hóa ra đời khi có hai điều kiện sau:

#### **2.1.1.1. Phân công lao động xã hội**

Phân công lao động xã hội là sự phân chia lao động xã hội nền sản xuất xã hội thành các ngành nghề khác nhau, tạo ra sự chuyên môn hóa lao động dẫn đến sự chuyên môn hóa sản xuất.

Phân công lao động xã hội là cơ sở của sản xuất và trao đổi hàng hóa vì do phân công lao động nên mỗi người chỉ lao động trong một ngành nghề và tạo ra một hoặc một vài sản phẩm nhưng để thỏa mãn nhu cầu đời sống họ phải cần nhiều thứ sản phẩm, vì vậy phân công lao động xã hội làm nảy sinh nhu cầu quan hệ trao đổi sản phẩm giữa những người sản xuất và người tiêu dùng với nhau.

#### **2.1.1.2. Sự tách biệt tương đối về kinh tế giữa các chủ thể sản xuất**

Sự tách biệt về kinh tế làm cho những người sản xuất trở thành những chủ thể sản xuất độc lập, do đó sản phẩm làm ra thuộc quyền sở hữu của họ chi phối. Cơ sở của sự tách biệt về kinh tế giữa các chủ thể sản xuất là sự tách biệt về quyền sở hữu tư liệu sản xuất. Chính sự xuất hiện của chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đã làm cho các chủ thể sản xuất độc lập và tách biệt nhau. Sự tách biệt về kinh tế làm cho trao đổi sản phẩm lao động mang hình thức là trao đổi hàng hóa thông qua thị trường.

## ***Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường***

Đây là hai điều kiện cần và đủ cho sản xuất hàng hoá ra đời và tồn tại, nếu thiếu một trong hai điều kiện sẽ không có sản xuất và trao đổi hàng hoá.

### **2.1.2. Hàng hóa**

#### ***2.1.2.1. Khái niệm***

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng nào đó của con người thông qua trao đổi mua và bán trên thị trường.

Sản phẩm của lao động chỉ trở thành hàng hóa khi nó được đem ra trao đổi (mua – bán) trên thị trường. Hàng hóa có thể thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cá nhân hoặc nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất. Hàng hóa có thể tồn tại ở dạng vật thể hoặc phi vật thể.

Ví dụ: Lúa, gạo do nông dân sản xuất ra, khi được đem bán thì coi là hàng hóa. Các loại hàng hóa thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cá nhân: quần áo, giày dép, bột giặt.... Các loại hàng hóa thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cho sản xuất như: sắt, thép, máy móc, thiết bị.... Có loại hàng hóa vừa thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng cá nhân vừa thỏa mãn nhu cầu sản xuất: điện, nước, màn hình....

#### ***2.1.2.2. Hai thuộc tính của hàng hóa***

- ❖ Hầu hết các hàng hóa dù đa dạng, khác nhau nhưng đều có hai thuộc tính cơ bản là: Giá trị sử dụng và giá trị.

- **Giá trị sử dụng**

Giá trị sử dụng là công dụng hữu ích của hàng hóa nhằm thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người. Có thể là nhu cầu vật chất hoặc nhu cầu tinh thần; cũng có thể là nhu cầu cá nhân (hàng hóa tiêu dùng cho sinh hoạt cá nhân) hoặc nhu cầu tiêu dùng sản xuất (hàng hóa tư liệu sản xuất). Giá trị sử dụng của hàng hóa do thuộc tính tự nhiên của vật phẩm hàng hóa quy định, nó là một phạm trù vĩnh viễn. Số lượng giá trị sử dụng của hàng hóa chỉ được phát hiện dần dần cùng với sự tiến bộ của khoa học – công nghệ. Trong nền kinh tế hàng hóa, giá trị sử dụng của hàng hóa là để đáp ứng nhu cầu của người mua hàng hóa, vì vậy người sản xuất tất yếu phải quan tâm đến giá trị sử dụng của hàng hóa do mình sản xuất sao cho đáp ứng tốt nhất nhu cầu người mua. Trong nền kinh tế hàng hóa, một vật do con người sản xuất ra vừa mang giá trị sử dụng, đồng thời vừa mang giá trị.

- **Giá trị của hàng hoá**

Để hiểu được giá trị của hàng hóa, ta xem xét giá trị trao đổi. Mọi hàng hóa đều có giá trị trao đổi.

Giá trị trao đổi được là một quan hệ về số lượng, thể hiện tỷ lệ trao đổi giữa số lượng hàng hóa này với số lượng hàng hóa khác.

Ví dụ, người ta trao đổi 1 m vải lấy 10 kg thóc, có nghĩa là 1m được trao đổi ngang bằng với 10 kg thóc (1m vải = 10 kg thóc).

## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

Vấn đề đặt ra là: Tại sao vải và thóc có giá trị sử dụng khác nhau lại trao đổi được với nhau? Nếu chúng trao đổi ngang bằng nhau thì hai hàng hóa đó phải có một điểm chung giống nhau. Các nhà kinh tế học đã nghiên cứu và phát hiện điểm chung giống nhau đó là: dù các hàng hóa khác nhau về công dụng nhưng chúng đều giống nhau ở một điểm đều là sản phẩm của lao động. Nếu ta gạt bỏ giá trị sử dụng của hàng hóa đi thì mọi hàng hóa đều là sự kết tinh của thời gian lao động của con người. Chính thời gian lao động kết tinh đó tạo ra giá trị hàng hóa và là cơ sở của trao đổi.

Vậy thực chất của trao đổi hàng hóa là người ta trao đổi số lượng thời gian lao động được ẩn dấu trong hai hàng hóa với nhau. Vậy thực thể tạo nên giá trị của hàng hóa là số lượng thời gian lao động của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa (đây là chất, là thực thể của giá trị). *Vậy, giá trị của hàng hóa là lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.*

Giá trị là phạm trù lịch sử chỉ tồn tại trong sản xuất hàng hóa, nó phản ánh mối quan hệ giữa người sản xuất hàng hóa. Giá trị là thuộc tính xã hội của hàng hóa.

- ❖ Hai thuộc tính của hàng hóa có mối quan hệ với nhau vừa thống nhất vừa mâu thuẫn nhau:

Thống nhất: đã là hàng hóa phải có để hai thuộc tính, nếu thiếu một trong hai thuộc tính không phải là hàng hóa. Giá trị sử dụng của hàng hóa phản ánh nội dung vật chất của của cải và được thể hiện khi tiêu dùng hàng hóa, còn giá trị phản ánh mặt quan hệ xã hội của hàng hóa nó được thể hiện khi trao đổi hàng hóa.

Mâu thuẫn giữa hai thuộc tính thể hiện: đối với người sản xuất ra hàng hóa họ chỉ quan tâm đến giá trị của hàng hóa do mình làm ra, nếu họ có chú ý đến giá trị sử dụng cũng chỉ nhằm đạt được giá trị của hàng hóa mà thôi. Ngược lại, người mua hàng hóa quan tâm đến giá trị sử dụng, nhưng để có được giá trị sử dụng thì phải trả giá trị cho người bán (người bán có giá trị sử dụng nhưng lại cần giá trị, người mua có giá trị nhưng lại cần giá trị sử dụng). Nghĩa là quá trình thực hiện giá trị sử dụng và giá trị tách rời nhau: giá trị được thực hiện trước, giá trị sử dụng thực hiện sau. Chính mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa bao hàm khả năng xảy ra khủng hoảng sản xuất, nếu mâu thuẫn này không được thực hiện thì nổ ra khủng hoảng sản xuất xã hội.

### ***2.1.2.3. Tính hai mặt của lao động sản xuất ra hàng hóa***

Sở dĩ hàng hóa có hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị vì lao động của người sản xuất hàng hóa có tính hai mặt. Các Mác là người đầu tiên đã phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. Đó là lao động cụ thể và lao động trừu tượng.

*Lao động cụ thể là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của một nghề nghiệp chuyên môn nhất định.* Mỗi loại lao động cụ thể có mục đích riêng, phương pháp, công cụ lao động, đối tượng lao động và kết quả lao động riêng.

## **Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**

Ví dụ: lao động của người thợ mộc và của người thợ may có mục đích khác nhau, đối tượng, phương pháp, công cụ và sản phẩm khác nhau.

Lao động cụ thể tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa. Khoa học kỹ thuật càng phát triển các hình thức lao động cụ thể càng đa dạng, phong phú. Lao động cụ thể là phạm trù vĩnh viễn (xã hội càng phát triển các hình thức của lao động cụ thể có thể thay đổi).

*Lao động trừu tượng là lao động của người sản xuất hàng hóa đã gạt bỏ hình thức biểu hiện cụ thể của nó để quy về cái chung đồng nhất, đó là sự tiêu phí sức lao động, tiêu hao sức cơ bắp, thần kinh của con người.* Lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa. Lao động trừu tượng là phạm trù lịch sử, chỉ có sản xuất sản phẩm để trao đổi thì mới cần thiết phải quy các loại lao động cụ thể khác nhau thành một thứ lao động đồng nhất đó là lao động trừu tượng thì mới có thể trao đổi được. Vậy các loại lao động cụ thể khác nhau về chất thì lao động trừu tượng là lao động đồng nhất và giống nhau về chất; đó là sự kết tinh sức lực nói chung của người sản xuất để tạo ra hàng hóa.

### **2.1.2.4. Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá**

❖ Giá trị của hàng hóa được xét cả về mặt chất lẫn mặt lượng. Chất của giá trị là do lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hóa tạo thành. Lượng của giá trị hàng hóa là do lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa quyết định. Lượng thời gian hao phí sản xuất ra hàng hóa được đo bằng số giờ lao động, số ngày lao động...

Trong thực tế có nhiều người cùng sản xuất một loại hàng hóa, do điều kiện sản xuất (vốn, tay nghề, trình độ quản lý, điều kiện tự nhiên...) giữa họ khác nhau nên mức tiêu hao thời gian lao động cá biệt cho một sản phẩm rất khác nhau (có người tiêu hao nhiều, người trung bình, người tiêu hao ít). Thời gian lao động cá biệt quyết định lượng giá trị cá biệt của hàng hóa. Nếu căn cứ vào mức hao phí lao động cá biệt để trao đổi thì một người càng vụng về, lười biếng thì càng cần nhiều thời gian để sản xuất ra một đơn vị hàng hóa, vì vậy giá trị của hàng hóa của họ càng lớn. Xã hội không chấp nhận điều này. Mác viết: “Chỉ có lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một giá trị sử dụng, mới quyết định đại lượng giá trị của giá trị sử dụng ấy”<sup>1</sup>. *Vậy, thước đo lượng giá trị của hàng hóa được tính bằng thời gian lao động xã hội cần thiết là số thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình, trình độ khéo léo trung bình và cường độ lao động trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.*

Trong xã hội có rất nhiều người sản xuất một loại hàng hóa cung cấp cho xã hội, thông thường mức thời gian lao động xã hội cần thiết trùng với mức thời gian lao động cá biệt của tư nhân nào sản xuất cung cấp đại bộ phận loại hàng hóa đó cho thị trường quy định.

Lượng giá trị của hàng hóa nào đó được tính bằng công thức:  $c + v + m$ . Trong đó  $c$  là giá trị tư liệu sản xuất hay còn gọi là giá trị lao động quá khứ (giá trị lao động đã kết tinh trong

---

<sup>1</sup> C.Mác & Ph.Ăngghen: Toàn tập, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, t.23, tr 68

## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

tư liệu sản xuất),  $v$  là giá trị sức lao động,  $m$  là giá trị tăng thêm (cả hai đại lượng  $v$  và  $m$  gọi là giá trị mới tức giá trị do lao động sống tạo ra)

### ❖ Những yếu tố ảnh hưởng đến giá trị của một đơn vị hàng hoá

#### - Năng suất lao động

Năng suất lao động là năng lực sản xuất của lao động được đo bằng số lượng sản phẩm sản phẩm ra trong một đơn vị thời gian hay số đơn vị thời gian tiêu hao để làm ra một sản phẩm. Khi năng suất lao động tăng lên thì số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian tăng do đó số lượng thời gian lao động sản xuất ra một đơn vị sản phẩm giảm vì vậy giá trị của một đơn vị sản phẩm giảm xuống.

Năng suất lao động phụ thuộc vào trình độ thành thạo của người lao động, sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý, quy mô và hiệu suất của tư liệu sản xuất, điều kiện tự nhiên...

#### - Cường độ lao động

Cường độ lao động được biểu hiện ở mức độ khẩn trương nặng nhọc của người lao động trong một đơn vị thời gian. Cường độ lao động được đo bằng sự tiêu hao sức lao động trên một đơn vị thời gian. Tăng cường độ lao động là tăng sự hao phí lao động trong một thời gian lao động nhất định. Khi cường độ lao động tăng giá trị một đơn vị sản phẩm không đổi. Cường độ lao động phụ thuộc vào trình độ tổ chức quản lý, thể chất, tinh thần của người lao động.

#### - Lao động giản đơn và lao động phức tạp

Lao động giản đơn là lao động không đòi hỏi quá trình đào tạo có hệ thống chuyên sâu về chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cũng có thể lao động được.

Lao động phức tạp là lao động phải qua quá trình đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ với kỹ năng thành thạo nhất định.

Khi đem trao đổi ở trên thị trường người ta lấy lao động giản đơn làm đơn vị và quy mọi lao động thành lao động giản đơn, với ý nghĩa đó lao động phức tạp là bội số của lao động giản đơn. Trong cùng một đơn vị thời gian, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn.

### **2.1.3. Tiền tệ**

Sản xuất hàng hóa gắn liền với lưu thông, trao đổi hàng hóa. Hàng hóa muốn đem trao đổi được thì phải có tiền tệ. Vì vậy sau khi nghiên cứu lý luận về hàng hóa, ta nghiên cứu đến phương tiện để lưu thông hàng hóa đó là tiền tệ.

#### **2.1.3.1. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ**

### ❖ Lịch sử phát triển các hình thái giá trị

- Hình thái giản đơn hay ngẫu nhiên của giá trị

## Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

Ví dụ: 20 vuông vải = 10 đấu thóc. Hay viết một cách khái quát x đơn vị hàng hóa A = y đơn vị hàng hóa B

Ở phương trình trao đổi này, giá trị của hàng hóa A được biểu hiện ở giá trị sử dụng của hàng hóa B, còn hàng hóa B dùng làm hình thái biểu hiện giá trị của hàng hóa A và đóng vai trò vật ngang giá. Hàng hóa A ở vào hình thái giá trị tương đối.

- Hình thái đầy đủ hay mở rộng của giá trị: Khi lực lượng sản xuất phát triển hơn, sau phân công lao động lần thứ nhất, chăn nuôi tách khỏi trồng trọt, trao đổi dần trở nên thường xuyên hơn, một hàng hóa này có thể tham gia trao đổi với nhiều hàng hóa khác. Tương ứng với giai đoạn này là hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng.

Ví dụ:

$$20 \text{ vuông vải} = \left[ \begin{array}{l} 1 \text{ cái áo;} \\ \text{Hoặc } 10 \text{ đấu chè} \\ \text{Hoặc } 40 \text{ đấu cà phê} \\ \dots \end{array} \right.$$

Ở đây giá trị của một hàng hóa được biểu hiện ở giá trị sử dụng của nhiều hàng hóa đóng vai trò vật ngang giá chung. Tỷ lệ trao đổi đã cố định hơn, tuy vậy vẫn là trao đổi trực tiếp hàng lấy hàng.

- Hình thái chung của giá trị

Khi sản xuất hàng hóa phát triển hơn, việc trao đổi được mở rộng giữa các vùng thường xuyên, đa dạng hơn và nhiều hơn. Nhu cầu trao đổi đa dạng, phức tạp hơn, người có vải muốn đổi thóc nhưng người có thóc không cần vải mà cần hàng hóa khác. Vì vậy, việc trao đổi trực tiếp hàng lấy hàng gây trở ngại cho trao đổi. Để giải quyết khó khăn này, buộc người ta phải đi đường vòng là mang hàng hóa của mình đổi lấy hàng hóa chung nào đó mà nhiều người chấp nhận, rồi dùng hàng hóa chung đó đổi lấy hàng hóa mình cần. Khi vật trung gian trong trao đổi được cố định ở một thứ hàng hóa được nhiều người chấp nhận thì hình thái chung của giá trị xuất hiện.

$$\left. \begin{array}{l} \text{Ví dụ: } 10 \text{ kg thóc} \\ \text{Hoặc } 10 \text{ đấu chè} \\ \text{Hoặc } 20 \text{ đấu cà phê} \\ \dots \end{array} \right] = 1 \text{ m vải}$$

Trong hình thái này, tất cả các hàng hóa đều được biểu hiện giá trị của mình ở cùng một thứ hàng hóa đóng vai trò vật ngang giá chung. Tuy nhiên, vật ngang giá chung chưa được thống nhất giữa các địa phương với nhau. Các địa phương khác nhau thì vật ngang giá chung cũng

## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

khác nhau, gây khó khăn trao đổi. Điều này đòi hỏi hình thái giá trị cao hơn ra đời đó là hình thái tiền tệ.

- **Hình thái tiền tệ**

Khi vật ngang giá chung trong trao đổi được thống nhất, cố định lại ở một hàng hóa độc tôn và phổ biến thì xuất hiện hình thái tiền tệ của giá trị.

Ví dụ: 10 kg thóc	}	= 0,1 chỉ vàng (vàng trở thành hình thái tiền tệ)
Hoặc 10 đấu chè		
Hoặc 20 đấu cà phê		
...		

Lúc đầu có nhiều kim loại đóng vai trò tiền tệ, về sau được cố định ở kim loại quý là vàng, bạc và cuối cùng là vàng. Khi chỉ còn kim loại vàng độc chiếm vị trí độc tôn là tiền tệ thì được gọi là chế độ bản vị vàng.

Tại sao vàng có được vai trò độc tôn là tiền tệ?

- + Thứ nhất, vàng cũng là một hàng hoá, có thể mang trao đổi với các hàng hoá khác.
- + Thứ hai, vàng có những ưu thế (từ thuộc tính tự nhiên) như: thuần nhất, dễ chia nhỏ, không mòn gỉ...
- + Thứ ba, vàng có giá trị lớn

Kết luận: Tiền ra đời trong quá trình phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hóa, khi tiền tệ ra đời thì thế giới hàng hóa phân thành hai cực: một bên là các hàng hóa thông thường, còn bên kia là hàng hóa (vàng) đóng vai trò tiền tệ. Đến đây, giá trị của hàng hóa đã có một phương tiện biểu hiện thống nhất và tỷ lệ trao đổi được cố định lại.

### **❖ Bản chất của tiền**

Tiền là một hàng hóa đặc biệt, đóng vai trò vật ngang giá chung trong trao đổi hàng hóa, thể hiện chung của giá trị và biểu hiện mối quan hệ kinh tế xã hội giữa những người sản xuất hàng hóa.

#### ***2.1.3.2. Các chức năng của tiền tệ***

##### **❖ Thước đo giá trị**

Tiền tệ là biểu tượng chung của giá trị nên được dùng để đo lường giá trị của các loại hàng hoá khác. Giá trị của tiền cũng do thời gian lao động xã hội cần thiết quy định. Khi giá trị của các hàng hóa khác được biểu hiện bằng số tiền nào đó thì gọi là giá cả của hàng hóa đó. Giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa. Phân biệt giá trị với giá cả:

## ***Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường***

Giá trị của hàng hóa do số lượng thời gian lao động xã hội đã kết tinh trong hàng hóa tạo ra và quy định, thông thường ta ngầm hiểu số thời gian lao động kết tinh còn không thể quan sát cụ thể bằng trực quan.

Giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa và do giá trị hàng hóa quyết định có nghĩa là giá trị là nội dung, là cơ sở của giá cả. Tuy nhiên, trên thị trường giá cả còn chịu tác động (lên, xuống) của các yếu tố (cạnh tranh, cung – cầu, chính sách của nhà nước...)

### **❖ Phương tiện lưu thông**

Thực hiện chức năng này tiền làm môi giới trung gian trong trao đổi hàng hoá. Khi tiền làm phương tiện lưu thông đòi hỏi phải có một lượng tiền mặt (vàng thoi, bạc nén, tiền đúc, tiền giấy, tiền tín dụng...). Quá trình lưu thông tiền tệ làm xuất hiện các loại tiền đúc bằng kim loại, tiền làm bằng giấy, tiền thẻ,.. Tiền giấy, tiền thẻ, tiền tín dụng, tiền điện tử... là ký hiệu của giá trị (giá trị ảo). Tiền giấy do nhà nước ấn định và phát hành buộc dân chúng thừa nhận làm vật ngang giá chung trong trao đổi.

### **❖ Phương tiện cất trữ**

Tiền tệ đại biểu cho mọi cử cải nên nó được dùng làm vật cất trữ của cải. Khi cất trữ tiền được rút khỏi lưu thông và cất giữ lại để khi cần thì đem ra mua hàng. Tiền cất trữ phải là tiền dưới hình thái vàng.

### **❖ Phương tiện thanh toán**

Kinh tế hàng hoá phát triển đến một trình độ nào đó tất yếu sẽ nảy sinh việc mua bán chịu. Tiền làm chức năng phương tiện thanh toán tức nó được dùng để chi trả sau khi công việc đã hoàn thành như trả tiền mua hàng chịu; trả nợ; nộp thuế... Quá trình thực hiện chức năng phương tiện thanh toán đã xuất hiện một loại tiền mới: tiền tín dụng, hình thức chủ yếu của tiền tín dụng là giấy bạc ngân hàng. Tiền tín dụng phát sinh từ chức năng phương tiện thanh toán của tiền. Mặt khác tiền tín dụng phát triển thì chức năng phương tiện thanh toán của tiền càng mở rộng và các hình thức của tiền càng phát triển.

### **❖ Tiền tệ thế giới**

Khi trao đổi hàng hóa mở rộng ra bên ngoài biên giới quốc gia và hình thành quan hệ buôn bán giữa các nước thì chức năng tiền tệ thế giới ra đời. Thực hiện chức năng này tiền làm phương tiện lưu thông, mua bán hàng hóa; thanh toán quốc tế và các hoạt động ngoại thương, tín dụng, tài chính, di chuyển của cải từ nước này sang nước khác. Làm chức năng tiền tệ thế giới thì phải là tiền vàng hoặc tiền tín dụng được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế.

## **2.1.4. Giới thiệu một số loại hàng hóa đặc biệt**

### **2.1.4.1. Dịch vụ**

Để có hàng hóa dịch vụ nào đó, người cung ứng dịch vụ cũng phải chi phí thời gian lao động nhằm làm thỏa mãn nhu cầu của người cần loại dịch vụ đó. Dịch vụ thuộc loại hàng hóa



## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

đặc biệt bởi vì: bản thân nó là hàng hóa vô hình, không thể cất trữ, để dành được, việc cung cấp và tiêu dùng hàng hóa dịch vụ xảy ra đồng thời cùng một thời điểm.

Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với việc thỏa mãn nhu cầu của con người trong nền kinh tế thị trường. Nó là cầu nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng.

### ***2.1.4.2. Quyền sử dụng đất đai***

Đất đai không phải là hàng hóa vì không do lao động làm ra nên nó không có giá trị. Trong thực tế, người ta mua bán đất đai chính là mua bán quyền sử dụng đất đai. Quyền sử dụng đất đai được đem ra trao đổi mua bán vì đất đai có giá trị sử dụng, có thể để làm nhà ở, có thể làm tư liệu sản xuất kinh doanh, hoặc vừa để ở, vừa kinh doanh. Mua bán quyền sử dụng đất đai có khi bị lầm tưởng là mua bán quyền sở hữu đất đai. Quyền sử dụng đất đai là hàng hóa đặc biệt vì:

- Quyền sử dụng đất đai không có giá trị nhưng lại có giá cả.
- Giá cả quyền sử dụng đất đai không phải do giá trị quy định mà do quan hệ cung cầu, do khan hiếm đất đai, nạn đầu cơ, chính sách của nhà nước, địa tô đất đai quy định.
- Mua bán đất đai là mua bán quyền sử dụng, quyền khai thác đất đai chứ không gắn với mua bán quyền sở hữu đất đai.
- Thời hạn khai thác quyền sử dụng đất đai cũng có thể hữu hạn.

### ***2.1.4.3. Thương hiệu***

Thương hiệu của một doanh nghiệp (hay danh tiếng của một cá nhân) cũng có thể đem trao đổi mua bán (trở thành hàng hóa). Thương hiệu là hàng hóa đặc biệt vì:

- Để đạt được thương hiệu (danh tiếng) có khi là cả một quá trình phấn đấu lâu dài của một doanh nghiệp hoặc cá nhân nào đó.
- Thương hiệu của một cá nhân ngoài quá trình phấn đấu rèn luyện, nó còn bao hàm yếu tố thiên bẩm của cá nhân (ca sỹ, nhạc sỹ, cầu thủ, ngôi sao ...)
- Nó thuộc loại hàng hóa khan hiếm nên giá cả có khi cực cao do quan hệ cung – cầu, cạnh tranh...

### ***2.1.4.4. Chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá***

Sự hình thành, phát triển của các công ty cổ phần đã dẫn đến sự ra đời của thị trường chứng khoán.

Thị trường chứng khoán là một bộ phận của thị trường tài chính, là nơi diễn ra mua bán, trao đổi các loại chứng khoán giữa các chủ thể tham gia. Thị trường chứng khoán có vai trò quan trọng trong việc huy động các nguồn vốn bổ sung cho phát triển sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần, đồng thời nó cũng là nơi diễn ra hoạt động đầu cơ buôn bán các loại chứng khoán có giá.

## **Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**

Chứng khoán là bằng chứng xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với tài sản hoặc phần vốn của tổ chức phát hành. Chứng khoán gồm các loại: Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ; Quyền mua cổ phần, chứng quyền, quyền chọn mua, quyền chọn bán, hợp đồng tương lai...

Ngày nay, các loại chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu...) do các công ty cổ phần phát hành, chứng quyền do công ty kinh doanh chứng khoán chứng nhận và một số loại giấy tờ có giá (ngân phiếu, thương phiếu) cũng được trao đổi mua bán trên thị trường chứng khoán và mang lại thu nhập cho người sở hữu chúng. Cổ phiếu, trái phiếu, chứng quyền là hàng hóa đặc biệt vì giá cả của các loại chứng khoán, chứng quyền, không phản ánh giá trị của nó mà giá cả của nó phản ánh lợi ích kỳ vọng mà người mua có thể thu được. Giá cả của nó chủ yếu do quan hệ cung cầu quy định và người mua kỳ vọng vào tăng giá trong tương lai. Các loại chứng khoán không thể được mua bán khi công ty cổ phần phá sản thì chứng khoán cũng mất giá và người sở hữu nó bị mất vốn. Các Mác gọi những hàng hóa này là tư bản giả hay vốn giả.

### **2.2. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG**

Quá trình phát triển sản xuất hàng hóa không tách rời quá trình phát triển của thị trường. Thị trường chính là lĩnh vực đảm bảo các yếu tố đầu vào và đầu ra của sản xuất hàng hóa.

#### **2.2.1. Thị trường**

##### **2.2.1.1. Khái niệm và vai trò của thị trường**

###### **❖ Khái niệm**

*Theo nghĩa hẹp:* Thị trường là nơi diễn ra là nơi diễn ra hành vi trao đổi (mua – bán) hàng hóa giữa các chủ thể kinh tế với nhau. Thông qua trao đổi thị trường, người mua và người bán thỏa mãn được nhu cầu của mình.

*Theo nghĩa rộng:* Thị trường là tổng hòa các mối quan hệ trao đổi (mua – bán) hàng hóa trong xã hội, được hình thành phù hợp với những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định. Theo nghĩa này, thị trường bao gồm tổng thể các mối quan hệ kinh tế như: cung – cầu, giá cả, quan hệ hàng hóa – tiền tệ, quan hệ hợp tác, cạnh tranh... Các quan hệ này vận động chịu sự chi phối của các quy luật thị trường.

Dựa vào nhiều căn cứ để phân loại thị trường:

- Căn cứ vào tính chất tiêu dùng của hàng hóa chia thành thị trường hàng hóa tư liệu sản xuất và hàng hóa tiêu dùng.
- Căn cứ vào phạm vi hoạt động có thị trường trong nước và thị trường nước ngoài.
- Căn cứ vào đầu vào, đầu ra của quá trình sản xuất, chia thành thị trường các yếu tố đầu vào và thị trường hàng hóa đầu ra.
- Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành chia thị trường thành thị trường tự do cạnh tranh, thị trường có điều tiết, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền...

###### **❖ Vai trò của thị trường**

## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

- Thị trường vừa là điều kiện, vừa là môi trường cho sản xuất phát triển.

Sản xuất hàng hóa càng phát triển càng cần thị trường rộng lớn cung cấp đầu vào và đảm bảo đầu ra của sản xuất hàng hóa. Thị trường là cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng, thị trường là “phong vũ biểu” điều chỉnh, định hướng nhu cầu phát triển đối với sản xuất kinh doanh.

- Thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội.

Nền sản xuất hàng hóa là nền sản xuất không ngừng hướng tới sự thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, vì vậy nền kinh tế gắn với thị trường đòi hỏi các thành viên không ngừng nỗ lực sáng tạo để thích ứng phù hợp với đòi hỏi khắt khe của thị trường. Sự sáng tạo của chủ thể nếu được thị trường chấp nhận, chủ thể sẽ nhận được lợi ích tương xứng. Khi chủ thể được thỏa mãn lợi ích nó lại kích thích sự sáng tạo.

- Thị trường đóng vai trò phân bổ có hiệu quả các nguồn lực sản xuất của xã hội

Nền kinh tế thị trường bị chi phối bởi các quy luật kinh tế thị trường (quy luật giá trị, quy luật lưu thông tiền tệ) và các quan hệ kinh tế thị trường (quan hệ cung cầu, cạnh tranh), buộc các chủ thể kinh tế phải tính toán sử dụng hợp lý, hiệu quả nhất các nguồn lực (vốn, đất đai, sức lao động, kỹ thuật). Qua đó sẽ phân bổ các nguồn lực sản xuất của xã hội tập trung vào các ngành có hiệu quả kinh tế cao và đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển của xã hội.

- Thị trường gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể từ sản xuất, phân phối, lưu thông, trao đổi, tiêu dùng, gắn kết nền sản xuất trong nước và thế giới thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

### ***2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường***

#### ***❖ Cơ chế thị trường***

Cơ chế thị trường là tổng thể các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế dưới sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường

Đặc trưng của cơ chế thị trường là cơ chế hình thành giá cả thị trường dưới tác động của các quy luật kinh tế thị trường lên hành vi người bán và người mua. Trong cơ chế thị trường, sự tương tác giữa người bán và người mua hình thành nên giá cả thị trường. Cơ chế thị trường tự nó điều chỉnh các cân đối cung cầu, tiền hàng, hành vi người bán, người mua phù hợp với thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, sự phân bổ các nguồn lực sản xuất của xã hội được thực hiện qua cơ chế thị trường.

#### ***❖ Nền kinh tế thị trường***

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển trình độ cao, được vận hành theo cơ chế thị trường, trong đó các quan hệ kinh tế cơ bản (sản xuất và trao đổi) đều được thông qua thị trường và chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật kinh tế thị trường.

#### ***❖ Đặc trưng của kinh tế thị trường***

## ***Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường***

- Kinh tế thị trường đòi hỏi sự tồn tại của các chủ thể kinh tế độc lập dưới nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Các chủ thể sản xuất, kinh doanh hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

- Thị trường đóng vai trò quyết định trong phân bổ các nguồn lực của xã hội thông qua cơ chế thị trường.

- Giá cả được hình thành trên cơ sở giá trị hàng hóa và sự tác động của các quan hệ kinh tế thị trường, đặc biệt là quan hệ cung – cầu.

- Động lực trực tiếp thúc đẩy các chủ thể sản xuất kinh doanh là sự thỏa mãn lợi ích kinh tế, xã hội.

- Nhà nước vừa là chủ thể kinh doanh, vừa là chủ thể thực hiện chức năng quản lý kinh tế nhằm khắc phục khuyết tật của thị trường...

- Kinh tế thị trường là nền kinh tế mở gắn với hội nhập quốc tế.

### **❖ Các ưu thế của kinh tế thị trường**

- Tạo động lực mạnh mẽ đối với các chủ thể kinh tế trong việc hình thành ý tưởng sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh để tạo sản phẩm mới đáp ứng sự phát triển nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của xã hội.

- Phát huy, khai thác tốt nhất tiềm lực của các chủ thể, của các vùng miền cũng như lợi thế của quốc gia trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu tiêu dùng, thúc đẩy sự phát triển, văn minh, tiến bộ xã hội.

### **❖ Các khuyết tật của kinh tế thị trường**

- Tiềm ẩn rủi ro khủng hoảng sản xuất xã hội. Kinh tế thị trường chịu sự tác động tự phát của các quy luật kinh tế thị trường (giá trị, lưu thông tiền tệ) và quan hệ cung cầu, cạnh tranh tự phát nên luôn tiềm ẩn khả năng khủng hoảng sản xuất, thất nghiệp, lạm phát, phân hóa giàu nghèo... Từ đó tác động tiêu cực đến môi trường phát triển của xã hội.

- Xu hướng khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường sống trầm trọng. Lợi nhuận là động lực chi phối người sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, do vậy để đạt được mục đích tối đa hóa lợi nhuận, các chủ thể kinh tế sẵn sàng khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên gây tác động nghiêm trọng đến môi trường sống. Hơn nữa cũng vì lợi nhuận, các chủ thể kinh doanh vi phạm cả đạo đức nghề nghiệp làm hàng giả, hàng kém chất lượng, lừa đảo... tác động tiêu cực đến môi trường xã hội.

- Nền kinh tế thị trường tự nó dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo, phân hóa giữa các tầng lớp xã hội. Sự phân hóa thu nhập, mức sống trong nền kinh tế thị trường là tất yếu do sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường. Sự phân hóa về kinh tế tất yếu dẫn đến sự phân hóa các mức độ hưởng thụ các dịch vụ xã hội, phân hóa địa vị, văn hóa xã hội.

Nền kinh tế thị trường không tự khắc phục được những khuyết tật trên vì vậy cần có sự can thiệp của nhà nước bằng các công cụ, pháp luật, chính sách, chiến lược nhằm điều tiết, sửa chữa khắc phục các thất bại của kinh tế thị trường, đảm bảo nền kinh tế phát triển lành mạnh để

## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

đạt mục tiêu đặt ra. Khi nhà nước can thiệp vào kinh tế thị trường gọi là nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước hay “nền kinh tế hỗn hợp”

### ***2.2.1.3. Một số quy luật và quan hệ kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường***

#### **❖ Quy luật giá trị**

Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa. Ở đâu có sản xuất hàng hóa thì ở đó có sự hoạt động của quy luật giá trị. Sự hoạt động của quy luật giá trị được biểu hiện thông qua giá cả. Quy luật giá trị yêu cầu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở giá trị, tức trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết. Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu hàng hóa được sản xuất ra có mức hao phí lao động cá biệt phù hợp với mức hao phí lao động xã hội cần thiết thì hàng hóa mới bán được. Trong trao đổi, phải thực hiện theo nguyên tắc ngang giá: hai hàng hóa trao đổi với nhau khi cùng kết tinh một lượng lao động như nhau, tức là giá trị bằng nhau. Vì vậy, muốn hàng hóa bán được thì người sản xuất phải không ngừng tìm biện pháp hạ thấp chi phí thời gian lao động cá biệt xuống dưới mức thời gian lao động xã hội bằng cách tăng năng suất lao động.

Tác động của quy luật giá trị:

- Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa. Dưới tác động của quy luật giá trị thông qua thông qua sự biến động của giá cả thị trường, sẽ tự phát phân phối các nguồn lực sản xuất của xã hội (tiền tệ, đất đai, sức lao động) vào các ngành, vùng khác nhau để có hiệu quả nhất.
- Điều tiết lưu thông: quy luật giá trị điều tiết cung cầu, phân phối nguồn hàng hóa từ nơi có giá cả thấp đến nơi có giá cả cao.
- Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- Người sản xuất nào có mức hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hao phí lao động xã hội sẽ trở nên giàu có muốn vậy phải cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức, quản lý sản xuất, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.
- Phân hóa những người sản xuất hàng hóa thành người giàu, người nghèo một cách tự nhiên. Người nào có giá trị cá biệt nhỏ hơn giá trị xã hội thu được nhiều lãi trở nên giàu có, ngược lại người nào có giá trị cá biệt lớn hơn giá trị xã hội sẽ rơi vào tình trạng thua lỗ trở nên nghèo khó.

Tóm lại quy luật giá trị vừa có tác động tích cực, vừa có tác động tiêu cực đối với nền kinh tế thị trường.

#### **❖ Quy luật lưu thông tiền tệ**

Tiền tệ thực hiện chức năng lưu thông hàng hóa, tương ứng với mỗi giai đoạn số lượng tiền đưa vào lưu thông cần phù hợp với tổng khối lượng hàng hóa và dịch vụ. Số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa được xác định dựa vào quy luật lưu thông tiền tệ. Theo quy luật này, số lượng tiền cần thiết cho lưu thông hàng hóa ở mỗi thời kỳ xác định theo công thức:

## Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường

$$M = \frac{P.Q}{V}$$

Trong đó: M là lượng tiền cần thiết cho lưu thông; P

là mức giá cả;

Q là khối lượng hàng hoá, dịch vụ đem ra lưu thông;

V là số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ.

Khi lưu thông hàng hóa phát triển mạnh, thanh toán không dùng tiền mặt trở nên phổ biến thì số lượng tiền cần cho lưu thông được xác định theo công thức:

$$M = \frac{G - (G1+G2)+G3}{V}$$

Trong đó: M là lượng tiền cần thiết cho lưu thông;

G là tổng giá cả hàng hóa;

G1 là tổng giá cả hàng hóa bán chịu;

G2 là tổng giá cả hàng hóa khấu trừ nhau;

G3 là tổng giá cả hàng hóa bán chịu đến kỳ thanh toán;

V là số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ.

### ❖ Lạm phát tiền giấy

Khi số lượng tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá số lượng tiền cần thiết cho lưu thông thì sẽ dẫn tới hiện tượng lạm phát. Lạm phát tiền giấy gắn liền với nền kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường. Biểu hiện của lạm phát là mức giá chung của toàn bộ nền kinh tế tăng lên và sự giảm giá liên tục của đồng tiền.

Các loại lạm phát gồm:

- Lạm phát vừa phải là mức lạm phát dưới 10% một năm;
- Lạm phát phi mã là mức lạm phát hai con số một năm;
- Siêu lạm phát là lạm phát 3 hoặc 4 con số một năm.

Khi tỷ lệ lạm phát quá cao sẽ gây khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt đời sống nhân dân, thậm chí gây nên tình trạng hỗn loạn của nền kinh tế.

### ❖ Quan hệ cung - cầu

Cung là khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán với mức giá xác định. Cung gắn liền với sản xuất.

Cầu là khối lượng hàng hóa và dịch vụ mà người mua có khả năng và sẵn sàng mua tương ứng với mức giá xác định. Cầu gắn liền với tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ.

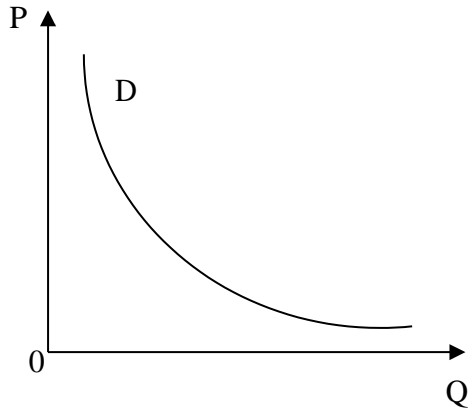
*Nội dung quan hệ cung cầu:*

Cung cầu có mối quan hệ hữu cơ với nhau, thường xuyên tác động quy định lẫn nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả hàng hóa, dịch vụ. Nếu cung hàng hóa lớn hơn cầu hàng hóa thì giá cả thấp hơn giá trị; ngược lại, nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá cả cao hơn giá trị; nếu cung cân

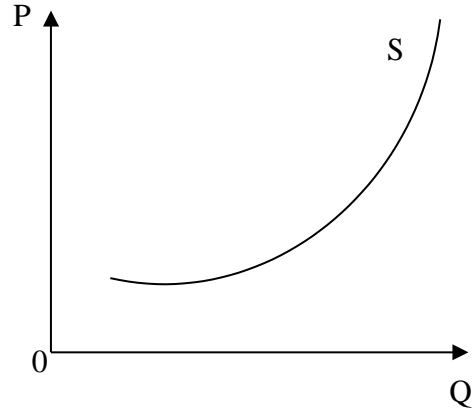
## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

bằng cầu thì giá cả cân bằng giá trị hàng hóa. Trên thị trường cung cầu có quan hệ biến động hết sức phức tạp. Mỗi quan hệ cung cầu được biểu thị qua đồ thị sau:

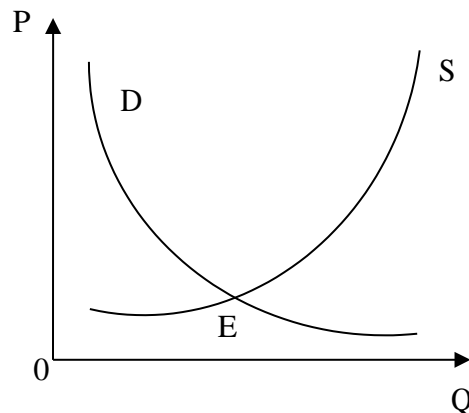
*Đồ thị 1.1: Đồ thị đường cầu hàng hóa*



*Đồ thị 1.2: Đồ thị đường cung hàng hóa*



*Đồ thị 1.3: Mối quan hệ cung cầu hàng hóa*



Trong đó: P là biểu thị giá cả

Q là sản lượng

E là điểm cân bằng cung cầu

Quan hệ cung – cầu điều tiết hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng thông qua sự biến động của giá cả. Dựa vào quan hệ cung cầu dự đoán xu thế biến động của giá cả, khi quan hệ cung cầu quá mất cân đối, nhà nước sẽ can thiệp bằng các chính sách kinh tế, tiền tệ, hàng hóa... để điều tiết thị trường hạn chế tác động tiêu cực của nó đối với sản xuất và đời sống xã hội. Nhà nước điều tiết quan hệ cung cầu hàng hóa, tiền tệ thông qua các chính sách, công cụ kinh tế như giá cả, thuế, lợi nhuận, tín dụng, phí... tác động thay đổi cơ cấu tiêu dùng nhằm duy trì những tỷ lệ cân đối cung – cầu hợp lý.

❖ Quan hệ cạnh tranh

## ***Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường***

Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh về kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường nhằm giành giật những điều kiện sản xuất và kinh doanh có lợi nhất để thỏa mãn nhu cầu tối đa lợi ích kinh tế.

Trong thị trường có các loại cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh. Cạnh tranh lành mạnh là cạnh tranh theo pháp luật, được pháp luật cho phép, phù hợp với pháp luật. Cạnh tranh không lành mạnh là cạnh tranh phi pháp (dùng thủ đoạn phi pháp, làm hàng giả, kém chất lượng, trốn thuế, buôn lậu...)

Biện pháp cạnh tranh: sáng tạo, vận dụng kỹ thuật sản xuất tiên tiến giảm giá cả hàng hóa dịch vụ, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ, tinh thần thái độ phục vụ, cải tiến mẫu mã, quảng cáo...

Tác động của cạnh tranh:

+ Cạnh tranh có tác động tích cực

Cạnh tranh là động lực, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của lực lượng sản xuất, của kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, do tác động của cạnh tranh khốc liệt “thương trường như chiến trường” buộc các chủ thể tham gia thị trường không ngừng sáng tạo, cải tiến kỹ thuật sản xuất, tăng năng suất, chất lượng hàng hóa, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ. Sản xuất với tinh thần “nhanh, nhiều, tốt, rẻ”. Cạnh tranh tác động tới việc phân bổ các nguồn lực sản xuất (tiền tệ, đất đai, sức lao động) hợp lý, cân đối, hiệu quả để hướng tới nền kinh tế thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng thông minh và văn minh.

+ Bên cạnh đó cạnh tranh thiếu lành mạnh (cạnh tranh phi pháp) cũng gây ra tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và xã hội; Đó là: phá hoại môi trường kinh doanh, gây lãng phí các nguồn lực sản xuất của xã hội, gây ô nhiễm, tàn phá tài nguyên thiên nhiên, môi trường, tình trạng làm hàng nhái, hàng giả, kém chất lượng, các vấn nạn tham nhũng, trốn thuế... Tất cả những mặt trái đó đã tác động tiêu cực đến sự đến lực lượng sản xuất xã hội. Vì vậy cần phải có sự can thiệp, điều tiết của chính phủ bằng các chính sách, luật pháp, công cụ kinh tế... để hạn những khuyết tật, mặt trái của nền kinh tế thị trường. Sự điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường được nhà kinh tế học người Anh (Adam Smith) gọi là “Bàn tay hữu hình”

### **2.2.2. Các chủ thể chính tham gia thị trường**

Trong nền kinh tế thị trường có nhiều chủ thể tham gia thị trường, đó là:

#### **2.2.2.1. Người sản xuất**

Người sản xuất là những chủ thể sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho thị trường để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội và thu được lợi nhuận.

Chủ thể sản xuất và cung cấp dịch vụ gồm: cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. Họ là những chủ thể trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội.



## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

Với tư cách là người sản xuất gắn với mục đích thỏa mãn tối đa nhu cầu tiêu dùng cho xã hội và thỏa mãn tối đa lợi nhuận của họ, các chủ thể sản xuất luôn quan tâm đến thiết thực đến việc lựa chọn: Sản xuất loại hàng hóa nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng công nghệ gì sao cho với mức chi phí thấp nhất và chất lượng tốt. Đồng thời họ cũng phải không ngừng cải tiến mẫu mã và tổ chức quảng cáo, quảng bá sản phẩm ra thị trường để bán hàng thu lợi nhuận thì sản xuất của họ mới tồn tại, phát triển được. Muốn vậy họ phải nghiên cứu nhu cầu cũng như khả năng thanh toán của xã hội để sản xuất loại hàng hóa có giá cả, chất lượng phù hợp với thị trường.

### ***2.2.2.2. Người tiêu dùng***

Người tiêu dùng là người mua hàng hóa và dịch vụ trên thị trường để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng. Sức mua của (sức cầu hàng hóa, dịch vụ) phụ thuộc và các yếu tố: giá cung hàng hóa, thu nhập của người lao động, chính sách của nhà nước, các chương trình khuyến mại kích cầu...

Sức cầu hàng hóa và dịch vụ của xã hội đóng vai trò quan trọng đối với sản xuất hàng hóa. Sự phát triển đa dạng về nhu cầu của người tiêu dùng là yếu tố quan trọng định hướng cho nhà sản xuất.

### ***2.2.2.3. Các chủ thể trung gian***

Do sự phát triển của sản xuất và trao đổi hàng hóa, dưới tác động của phân công lao động xã hội, làm cho sự tách biệt tương đối giữa sản xuất và trao đổi ngày càng sâu sắc. Sự tách biệt đó đã dẫn đến hình thành chủ thể chuyên làm trung gian, môi giới trong trao đổi hàng hóa.

Do sự phát triển đa dạng của các loại thị trường, ngày nay, ngoài chủ thể trung gian môi giới truyền thống đó là thương nhân còn xuất hiện các chủ thể trung gian trên thị trường chứng khoán, nhà đất, khoa học công nghệ, dịch vụ...

Các chủ thể trung gian có vai trò ngày càng tăng lên cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường. Họ có vai trò rất quan trọng trong việc gia tăng kết nối thông tin sản xuất với tiêu dùng, dịch vụ với tiêu dùng góp phần đẩy mạnh sự phát triển của kinh tế thị trường... Song bên cạnh đó cũng xuất hiện loại hình chủ thể trung gian không phù hợp với chuẩn mực đạo đức (lừa đảo, hoạt động môi giới bất hợp pháp, tiếp tay cho tiêu cực...)

### ***2.2.2.4. Nhà nước – chủ thể đặc biệt tham gia thị trường***

Nhà nước tham gia thị trường với tư cách là chủ thể đặc biệt. Nhà nước vừa là chủ thể tham gia kinh doanh đồng thời vừa là chủ thể quản lý nền kinh tế thị trường.

Chủ thể nhà nước có các doanh nghiệp thuộc sở hữu của nhà nước kinh doanh trong các lĩnh vực (ngân hàng, tài chính, xăng dầu, bất động sản...) hoạt động theo quy định của pháp luật và đồng thời cũng thu lợi nhuận như các chủ thể khác khi tham gia thị trường.

Nhà nước tham gia thị trường với tư cách là cơ quan quản lý kinh tế. Nhà nước đại diện cho xã hội có chức năng quản lý kinh tế bằng các công cụ, chính sách kinh tế: tiền tệ, giá cả, tín

## ***Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường***

dụng, bảo hiểm, tiền lương...thông qua hệ thống các cơ quan nhà nước nhằm khắc phục các khuyết tật của nền kinh tế thị trường như lạm phát, khủng hoảng, thất nghiệp, phân hóa giàu nghèo quá lớn...Sự quản lý của nhà nước nhằm đảm bảo cân đối vĩ mô giữa tiền tệ – hàng hóa, tiêu dùng – tích lũy, cung – cầu... để nền kinh tế phát triển lành mạnh. Đồng thời sự quản lý đó cũng nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng cho các chủ thể tham gia thị trường và đảm bảo thị trường hoạt động đạt hiệu quả cao.

Tóm lại, trong nền kinh tế thị trường, các quan hệ sản xuất và trao đổi, hoạt động của các chủ thể đều chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế và quan hệ kinh tế khách quan của thị trường. Đồng thời chịu sự điều tiết của nhà nước thông qua các công cụ, chính sách và pháp luật nhằm đảm bảo cho nền kinh tế thị trường vận hành lành mạnh, đạt hiệu quả cao.

### **TÓM TẮT CHƯƠNG**

Hàng hóa do lao động tạo ra đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi (mua bán) trên thị trường.

Phần lớn các hàng hóa đều có hai thuộc tính (trừ những hàng hóa đặc biệt): Giá trị sử dụng và giá trị. Giá trị sử dụng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng của người mua. Giá trị hàng hóa do thời gian lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa tạo ra nó được biểu hiện bằng một số tiền nào đó khi trao đổi hàng hóa. Khi giá trị được đo bằng tiền thì gọi là giá cả hàng hóa. Trên thị trường, giá cả luôn biến động do ảnh hưởng của quan hệ cung cầu, cạnh tranh, chính sách của nhà nước, điều kiện tự nhiên, giá trị đồng tiền...

Bên cạnh những hàng hóa thông thường còn có một số loại hàng hóa đặc biệt: dịch vụ, quyền sử dụng đất, cổ phiếu, trái phiếu, thương phiếu...

Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt đóng vai trò trung gian trong trao đổi hàng hóa. Tiền tệ có 5 chức năng: thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện thanh toán, phương tiện cất trữ và tiền tệ quốc tế.

Thị trường là nơi diễn ra hành vi trao đổi mua bán hàng hóa. Nó đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp các yếu tố đầu vào cho sản xuất và đầu ra (tiêu thụ sản phẩm) thu hồi vốn và có lãi cho người sản xuất. Thị trường vận hành theo cơ chế thị trường tự do cạnh tranh, đó là sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường (giá trị, lưu thông tiền tệ, cung cầu...) mà nhà kinh tế học người Anh, Adam Smith gọi là “Bàn tay vô hình”. Trong quá trình vận hành tự do cạnh tranh, thị trường đã bộc lộ những khuyết tật vốn có của nó (khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp, ô nhiễm môi trường...), vì vậy cần có sự điều tiết (can thiệp) của chính phủ bằng các chính sách tiền tệ, giá cả, lãi suất, lao động, tiền lương... mục đích đảm bảo các cân đối vĩ mô để thị trường hoạt động đạt hiệu quả cao.

Trong thị trường có các chủ thể tham gia sản xuất và trao đổi hàng hóa. Mỗi chủ thể đều có vị trí vai trò khác nhau trong thị trường, trong đó nhà nước – chủ thể đặc biệt vừa tham gia sản xuất kinh doanh, vừa điều tiết, định hướng thị trường.

## ***Bài giảng Kinh tế chính trị Mác - Lênin***

### **Các thuật ngữ cần ghi nhớ:**

Hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa, lao động cụ thể, lao động trừu tượng, lao động phức tạp, lao động giản đơn, tiền tệ, thị trường. Các quy luật của thị trường, cơ chế thị trường, kinh tế thị trường, người sản xuất, người tiêu dùng.

### **Câu hỏi ôn tập:**

1. Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa? Hàng hóa và hai thuộc tính của nó? Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa? Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị?
2. Tiền là gì? Các chức năng của tiền tệ?
3. Thị trường? Các chức năng của thị trường? Vai trò của thị trường? Ưu thế và khuyết tật của thị trường? Các quy luật và quan hệ kinh tế cơ bản trong thị trường?
4. Vai trò của các chủ thể chính tham gia thị trường?

